TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **289A**/2025/DS-PT
Ngày: 13 - 6 - 2025
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Phận

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2025/TLPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2025/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1515/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2025. Quyết định hoãn phiên tòa số 1793/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1966.

Địa chỉ: số C, ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bé B:

1. Bà Nguyễn Thị Diễm C, sinh năm 1983; (bà C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Loan T, sinh năm 1997; (Bà L đã được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt).

Cùng địa chỉ: A, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Kim O, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Kim O:

1. Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; (bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Diễm Q, sinh năm 2002. Địa chỉ: số D, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; (bà Q đã được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1990. Địa chỉ: số A đường số C, khu dân cư S, Khu phố M, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre; (bà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Cùng địa liên hệ: số A đường số C, khu dân cư S, Khu phố M, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1997. Địa chỉ: số A đường số C, khu dân cư S, Khu phố M, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre; (ông T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Phạm Thị Kim O (có người đại diện theo ủy quyền là bà Huỳnh Thị D).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung, bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt, cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ khác cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 10/6/2019, bà B có cho bà O vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày 10/6/2019 đến ngày 10/6/2020, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng. Khi vay tiền hai bên có làm giấy cho mượn tiền, bà O có ký tên ghi họ tên vào giấy

mượn tiền. Mục đích bà O vay tiền của bà B1 Ba để bổ sung vốn làm ăn, nhằm bảo đảm cho khoản vay nêu trên bà O đã đưa cho bà B1 Ba bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BY 050455 của bà O để làm tin cùng ngày 10/6/2019. Đến ngày 10/6/2020, bà O có đến nhà xin bà B cho bà O vay tiếp số tiền nêu trên trong một năm nữa, bà O hẹn bà B sẽ trả số tiền này vào ngày 10/6/2021. Sau đó, bà O đến nhà bà B mượn lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BY 050455 và nói với bà B là lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bán đất sẽ trả đủ một lần vốn và lãi cho bà B. Đến hạn trả tiền thì bà O không thực hiện lời hứa rồi cố tình tránh né bà B.

Theo đơn khởi kiện, bà B yêu cầu bà O có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi 1.66%/tháng từ ngày 10/8/2021 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án, tạm tính đến ngày 22/7/2024 là 35 tháng 12 ngày là 29.382.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà B yêu cầu bà O phải trả tạm tính đến ngày 22/7/2024 là 79.382.000 đồng. Đến ngày 28/11/2024, bà B có đơn thay đổi nội dung khởi kiện, chỉ yêu cầu bà O trả số tiền vốn đã vay là 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Đối với lời trình bày của bị đơn, nguyên đơn không đồng ý vì vào ngày 10/6/2019 bà B đã đưa đủ 50.000.000 đồng cho bà O tại thời điểm ký tên người mượn tiền trong giấy cho mượn tiền. Trường hợp nếu bà O không nhận tiền thì không có lý do gì phải ký tên vào giấy cho mượn tiền. Về địa điểm giao nhận tiền tại nhà dì 5 Rồm là nhà mẹ của bà O.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, văn bản trình bày ý kiến, đơn xin giải quyết vắng mặt, cùng các tài liệu cung cấp cho Tòa và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị M là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vào ngày 10/6/2019, hai bên có lập giấy cho mượn tiền và ký tên vào giấy. Đây là hợp đồng vay tiền có điều kiện bà B cho bà O vay 50.000.000 đồng, bà O đưa cho bà B bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp. Tuy nhiên, vào thời điểm lập giấy, bà B chưa đưa cho bà O 50.000.000 đồng mà hẹn lại vài ngày nữa, đến nay bà B vẫn chưa đưa tiền cho bà O vì vậy bà O vẫn chưa đưa giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất cho bà B. Bà O có yêu cầu bà B hủy giấy cho mượn tiền hai bên đã lập nhưng bà O chưa hủy. Hai bên chưa thực hiện thỏa thuận theo giấy cho mượn tiền ngày 10/6/2019 nên bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nếu bà B cho rằng thời hạn vay tính từ ngày 10/6/2019 đến ngày 10/6/2020 theo đơn khởi kiện và theo nội dung bà B tự thêm vào giấy cho mượn tiền, thì sau ngày 10/6/2020 mà bên vay không trả tiền thì bà B đã biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Bà B cho rằng bà O xin vay tiếp thêm 01 năm hẹn đến ngày 10/6/2021 như đơn khởi kiện đã nêu là không đúng vì bà O không có nợ bà B nên không có việc xin thêm thời gian trả nợ. Do đó, ngày mà bà B biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm được tính từ ngày 10/6/2019 hoặc muộn nhất là ngày 11/6/2020 như đã nêu trên. Căn cứ vào quy định của pháp luật về thời hiệu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thời hiệu khởi kiện là 03 năm kể từ ngày 10/6/2020. Vì vậy bà O yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của bà B.

Bà O xác định bà O có ký tên vào tờ giấy cho mượn tiền đề ngày 10/6/2019 bản chính do nguyên đơn và bị đơn cung cấp. Tuy nhiên bà B chưa đưa 50.000.000 đồng cho bà O. Do khi đó hai bên có thỏa thuận bà B cho bà O vay 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng với điều kiện bà O phải giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B để thế chấp. Thời điểm lập Giấy cho mượn tiền, bà B chưa đưa tiền cho bà O và chưa biết khi nào bà O đưa sổ nên trên cả 02 tờ giấy cho mượn tiền đều chưa ghi thời hạn mượn và thời hạn trả. Hai bên hẹn khi nào giao bản chính sẽ đưa tiền nhưng sau đó bà B đổi ý không cho mượn tiền nữa. Bà O có yêu cầu bà B hủy giấy cho mượn tiền nhưng bà Ba K đồng ý. Bản chính giấy mượn tiền của bà B giữ có ghi thêm những nội dung có màu mực khác, nhạt hơn so với màu mực của những chữ còn lại theo nội dung trong văn bản trình bày ý kiến đề ngày 29/11/2024 mà đại diện bị đơn đã nêu.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2025/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm quyết định:

Căn cứ vào các Điều 288, 357, 463 và Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé B. Buộc bà Phạm Thị Kim O có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị B1 Ba số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/3/2025, bị đơn bà Phạm Thị Kim O (có người đại diện theo ủy quyền là bà Huỳnh Thị D) kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2025/ DS-ST ngày 11/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, bà O yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé B.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý kháng cáo của bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử vắng mặt nhưng có gửi Luận cứ bảo vệ cho bị đơn với nội dung:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thì cần đình chỉ giải quyết theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của bị đơn theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật dân sự năm 2015; Giấy cho mượn tiền để trống thời hạn vay, thời hạn trả và ngày trả lãi do chưa giao nhận tiền và chưa xác định chính xác thời điểm giao tiền.; trong giấy cho mượn tiền không có nội dung đã

giao, đã nhận số tiền 50.000.000 đồng; bị đơn chưa giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn và nguyên đơn thừa nhận thực tế không có giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn; nguyên đơn không có bất kì chứng cứ nào chứng minh về việc đã nhận lãi, các bên có gia hạn thời hạn vay, nguyên đơn bà B trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn bà O, cho thấy các bên vốn không thực hiện giao dịch vay tiền trên thực tế. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà O, tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử theo hướng: không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Kim O (có người đại diện theo ủy quyền là bà Huỳnh Thị D); giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2025/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Kim O (có người đại diện theo ủy quyền là bà Huỳnh Thị D); Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn bà Phạm Thị Kim O (có người đại diện theo ủy quyền là bà Huỳnh Thị D) kháng cáo và gửi thủ tục kháng cáo hợp lệ trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé B; bị đơn bà Phạm Thị Kim O, người đại diện theo ủy quyền của bà O và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà O có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Loan T và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn Thị Diễm H đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre triệu tập hợp lệ dự phiên tòa phúc thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ

luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Về nội dung:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Kim O (có người đại diện theo ủy quyền là bà Huỳnh Thị D). Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B1 Ba khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Kim O trả cho bà B số tiền vay còn nợ là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

[1.2] Quá trình tố tụng, nguyên đơn và bị đơn cung cấp chứng cứ đều là bản chính giấy cho mượn tiền đề ngày 10/6/2019. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng giữa bị đơn và nguyên đơn có lập 02 bản chính là Giấy cho mượn tiền đề ngày 10/6/2019, mỗi bên giữ một bản chính giống nhau, bà O có ký tên ghi họ tên vào giấy mượn tiền đề ngày 10/6/2019 do nguyên đơn cung cấp, nhưng bà B chưa đưa tiền cho bà O nên bà O không đồng ý trả tiền cho bà B.

[1.3] Nhận thấy: Giấy cho mượn tiền do hai bên cung cấp có ghi nội dung giống nhau: "*Hôm nay ngày 10 tháng 06 năm 2019, tại nhà dì 5 Rồm, tôi tên Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1966, địa chỉ: ấp C, Thuận Đ có hợp đồng cho họ tên Phạm Thị Kim O, địa chỉ: ấp C, T có đưa sổ chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.348,3m^2 mượn số tiền là 50.000.000 đồng*"*…người mượn tiền ký tên ghi họ tên Phạm Thị Kim O, người cho mượn tiền ký tên Nguyễn Thị Bé B*.

[1.4] Tuy nhiên, Giấy cho mượn tiền do nguyên đơn cung cấp có ghi thêm nội dung về thời hạn là từ ngày 10-6-2020 đến ngày 10-6-2021 đồng ý mượn số tiền trên với lãi suất 2%/ tháng tính từ ngày nhận tiền, tiền lãi được trả hàng tháng đúng vào ngày 10-6-2019. Đối với bản chính giấy cho mượn tiền do bị đơn cung cấp thời hạn trả và lãi suất được để trống không ghi nội dung. Bị đơn không thừa nhận nội dung ghi thời hạn trả và lãi suất theo giấy nguyên đơn nộp vì cho rằng do nguyên đơn tự ý ghi thêm, không có sự thống nhất của bị đơn và yêu cầu Tòa án xác định thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn đồng ý với nội dung giấy mượn tiền do bị đơn cung cấp không thể hiện thời hạn và lãi

suất. Quá trình hòa giải tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả lại tiền vay vốn là 50.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi suất.

[1.5] Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi suất, thời hạn vay kết thúc vào ngày 10/6/2020. Đối với chứng cứ do bị đơn cung cấp thể hiện là hợp đồng vay không thời hạn và không lãi suất, thời hạn vay kết thúc vào ngày 10/6/2020. Căn cứ vào giấy cho mượn tiền do nguyên đơn cung cấp thì tính đến ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện ngày 22/7/2024 đã hết thời hiệu khởi kiện là 03 năm. Tuy nhiên, sau đó nguyên đơn đã thay đổi nội dung khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền gốc 50.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng thời hiệu khởi kiện và đình chỉ giải quyết vụ án theo yêu cầu của bị đơn là có căn cứ. Tờ giấy cho mượn tiền do nguyên đơn cung cấp có nội dung ghi thời hạn vay và lãi suất khác với tờ giấy cho mượn tiền bị đơn cung cấp, nội dung khác này phía bị đơn không thừa nhận có thỏa thuận nên Tòa án cấp sơ thẩm không công nhận nội dung này là phù hợp. Theo chứng cứ bị đơn cung cấp nội dung thể hiện vào ngày 10/6/2019 bà B có hợp đồng cho bà O mượn số tiền 50.000.000 đồng, có đưa sổ chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.348,3m^2 thế chấp, các bên không thỏa thuận thời hạn vay, lãi suất nên xác định đây là hợp đồng vay không thời hạn và không lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ Luật dân sự. Căn cứ nội dung giấy cho mượn tiền ngày 10/6/2019 thể hiện ngày lập giấy hai bên đã thực hiện giao dịch là bà B giao 50.000.000 đồng cho bà O và nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà O. Bà B cho rằng do bà O hứa sẽ bán đất để trả đủ tiền gốc và lãi cho bà nên bà đã giao lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà O, hai bên không lập giấy tờ. Mặc dù bà O không thừa nhận nội dung này nhưng bà O cũng xác định hiện tại bà Ba không giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà O, hai bên cũng không tranh chấp liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản thế chấp nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là có cơ sở.

[1.6] Xét thấy, lời trình bày của nguyên đơn là phù hợp với nội dung giấy cho mượn tiền ngày 10/6/2019. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa

nhận bà O có ký tên vào giấy cho mượn tiền đề ngày 10/6/2019 nhưng cho rằng bà O chưa nhận 50.000.000 đồng từ bà B, nhưng phía bị đơn không cung cấp chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[1.7] Nhận thấy, Bản án sơ thẩm đã tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền gốc đã nhận 50.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự. Bị đơn bà O (có người đại diện theo ủy quyền là bà Huỳnh Thị D) kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới chứng minh tại phiên tòa phúc thẩm, nên kháng cáo của bà O là không có cơ sở để chấp nhận.

[2] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho phía bị đơn là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Kim O (có người đại diện theo ủy quyền là bà Huỳnh Thị D). Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2025/DS-ST ngày 11/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Kim O (có người đại diện theo ủy quyền là bà Huỳnh Thị D) không được chấp nhận nên bà O phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Kim O (có người đại diện theo ủy quyền là bà Huỳnh Thị D).

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2025/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào các Điều 288, 357, 463 và Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé B. Buộc bà Phạm Thị Kim O có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị B1 Ba số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Phạm Thị Kim O phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.500.000 (hai triệu, năm trăm nghìn) đồng.

2.2. Chi cục Thi hành án huyện Giồng Trôm hoàn lại cho bà Nguyễn Thị B1 Ba số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.984.000 đồng (một triệu, chín trăm tám mươi bốn nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004349 ngày 29/10/2024.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Kim O (có người đại diện theo ủy quyền là bà Huỳnh Thị D) phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà O đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010462 ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Bà O đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện Giồng Trôm (1b);
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm (1b);
- Các đương sự (2b);
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Ngọt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Phận **Huỳnh Ngọc Dũng** **Phạm Văn Ngọt**